

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG HÔM NAY, ĐÔI ĐIỀU GỢI NGHĨ

PGS. TS. BÙI QUANG THANH*

Hướng về lịch sử cội nguồn cộng đồng quốc gia đa tộc người của Việt Nam, cách ngày nay nhiều nghìn năm, vùng đất trung du - bán sơn địa Phú Thọ đã trở thành một vị trí đặc biệt, có vị thế trung tâm cả về chặng đường khởi nghiệp của cộng đồng dân cư, lẫn địa bàn lịch sử xã hội - văn hóa, hình thành nên trung tâm của nhà nước Văn Lang do các vua Hùng khởi lập, làm chủ. Điều dễ nhận diện qua thực địa là, hướng liên kết theo mạch kiến tạo của đôi núi từ Tây - Bắc đến Đông - Nam trên mặt bằng bán sơn địa này cũng chính là hướng vận động của 3 dòng chủ lưu lớn: sông Thao, sông Lô, sông Đà, góp phần hợp lực kiến tạo nên những dải đất ven bờ màu mỡ, thành nơi tụ cư và lập nghiệp cho cộng đồng cư dân bản địa, đồng thời cũng dần tạo/hình thành nên vùng châu thổ phía hạ nguồn. Chính vì vậy, mọi hoạt động sinh tồn của cư dân trong phạm vi không gian địa lý này về căn bản, qua nhiều nghìn năm vẫn chỉ là nông nghiệp lúa nước, chăn nuôi và trồng trọt, các thể hệ dân cư có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau về lịch sử, chính trị, kinh tế - văn hoá xã hội.

Cho đến nay, trên phạm vi địa vực hành chính tỉnh Phú Thọ, với 13 huyện/thị xã/thành phố, bao gồm 275 xã, gần 1500 làng/thôn/khu dân cư, đã và đang hiện tồn hàng loạt hệ thống sinh hoạt/thực hành tín ngưỡng văn hóa, vốn được cộng đồng sáng tạo và trao truyền thực hành từ nhiều trăm năm qua. Chẳng hạn, hệ thống di tích mang danh thờ tự Hùng Vương, hệ thống di tích mang danh thờ tự Cao Sơn Thánh Vương, Ất Sơn Thánh Vương, Viễn Sơn Thánh Vương, Đông Hải Đại Vương,..., hệ thống thờ tự con cháu và tướng lĩnh của các vua Hùng, hệ thống thờ tự Sơn Tinh/Tản Viên, Cao Sơn/Quý Minh, hệ thống thờ tự Hai Bà Trưng và các

nữ tướng,... Trong đó, hệ thống làng/thôn có liên quan đến việc phụng thờ và tham dự lễ hội gắn với tín ngưỡng thờ các nhân vật thời đại Hùng Vương trong quá khứ là rất lớn, trải dài - rộng trên một phạm vi không gian bao trùm gần khắp địa bàn tỉnh Phú Thọ (12/13 huyện, thị, thành phố), đặc biệt tập trung ở 2 vùng trung tâm là các xã/phường thuộc thành phố Việt Trì và huyện Lâm Thao.

Trên cơ sở của những vấn đề đặt ra, từ nguồn thư tịch cổ và thực trạng của sinh hoạt tín ngưỡng tại các di tích thuộc các làng xã Phú Thọ, qua điền dã khảo sát thực tế, chúng tôi bước đầu nhận diện được một không gian văn hóa đích thực gắn với tín ngưỡng thờ Hùng Vương, với số lượng 178 đình, đền, miếu thờ tự tại 109 thôn/làng/khu dân cư của 81 xã trong 12 huyện/thị xã/thành phố, trong đó, chủ yếu các di tích mật tập tại các thềm đất cao, ven các triền sông Lô, sông Thao, sông Đà. Và, nơi giao thoa mang vị trí được coi là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - quân sự một thời, chính là vùng ngã ba Bạch Hạc, nơi nổi lên miền đất thiêng Nghĩa Lĩnh. Từ không gian văn hóa đã nhận diện, cũng cần nêu lên một thực trạng là, chủ nhân của loại hình sinh hoạt tín ngưỡng trong không gian văn hóa này không chỉ là người Việt, mà, tại các huyện Thanh Sơn, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Yên Lập, đã và đang hiện tồn hàng chục di tích gắn với tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương do cư dân các bản làng người Mường và người Cao Lan làm chủ. Thực tế này cũng phù hợp với ngọn nguồn thuở còn hợp lưu và cùng tồn tại, phát triển của văn hóa Việt - Mường cổ xưa trong lịch sử văn hóa dân tộc.

Theo tư liệu hồi cố từ các bậc cao niên tại hầu hết các làng/thôn, từ 1945 trở về trước, cơ sở vật chất phục vụ cho việc thờ phụng các vua Hùng nói riêng, các nhân vật được thờ phụng khác nói chung trên đất Phú Thọ, đã được tạo dựng qua 2 giai đoạn.

* Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam



Giã bánh giày dâng Hùng Vương ngày Tết - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

Từ thế kỷ X trở về trước, hầu hết các nơi thờ tự gần như được tạo lập bằng tranh tre, nứa lá, một số nơi xây dựng bằng nhà sàn để tránh thú dữ và mưa lũ. Kể từ triều Lý trở đi, nhất là dưới triều đại nhà Lê sơ (thế kỷ XV), dưới sự cho phép của chính quyền hàng tổng và triều đình, cộng đồng người dân Phú Thọ đã (cũng như hầu khắp các địa phương khác trên cả nước) huy động cộng đồng xây dựng nơi thờ tự (cả về mặt khuôn dạng kiến trúc lẫn bài trí nội thất) ở các làng một cách bề thế, đi kèm với nó là các kỳ lễ hội náo nhiệt, trang trọng, linh thiêng. Bên cạnh việc quan tâm đến các di tích thông qua các sắc phong, chiếu dụ, nhà nước phong kiến còn chủ trương cho phép các làng quê đầu tư trùng tu hoặc tôn tạo các cơ sở vật chất phục vụ tín ngưỡng tâm linh và coi đó như một thứ công cụ vô hình, góp phần hỗ trợ cho thiết chế và bộ máy cai trị của chính quyền các cấp.

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, do hạn chế về nhận thức và quan niệm sai lệch, cùng với sự tác động của thời gian, khí hậu tự nhiên, hầu hết (khoảng 90%) di tích thờ tự (đình, đền, chùa,...) của tỉnh Phú Thọ bị hủy hoại hoặc trở thành phế tích. Thời gian các di tích bị phá hủy nặng nhất là vào các năm 1956 - 1957, 1961 và 1975. Phải đến đầu những năm 1990 của thế kỷ XX trở lại đây, nhiều địa

phương mới có điều kiện về mặt pháp lý và cơ sở vật chất để phục dựng, tôn tạo, tu sửa và khôi phục các cơ sở thờ tự, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng ở từng địa phương. Do hoàn cảnh và điều kiện kinh tế, phần lớn các di tích được phục dựng đều có quy mô nhỏ hơn và sơ sài trong kiến trúc cũng như thẩm mỹ nghệ thuật. Tuy nhiên, trong số các địa phương vốn có các di tích gắn với tín ngưỡng thờ Hùng Vương, hiện có khoảng 20% di tích tại các làng/thôn hoàn toàn bị xóa sổ với nhiều lý do/nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Có thể nói, từ thời điểm Việt Nam bước vào giai đoạn "đổi mới", cộng đồng các làng quê mới có điều kiện phục hưng kinh tế, văn hóa lên tầm cao - rộng mới, trong đó có việc khôi phục những nét sinh hoạt văn hóa truyền thống có giá trị của dân tộc. Nhận diện thực trạng hiện tồn của các di tích cũng như tiếp nhận ý kiến cộng đồng, đa số các làng quê vốn có di tích và sinh hoạt tín ngưỡng thờ Hùng Vương nói riêng, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng nói chung, đều có nhu cầu được hỗ trợ về mặt chủ trương và kinh phí để khôi phục hoặc tôn tạo, nâng cấp các khu thờ tự, đảm bảo đáp ứng một cách tích cực nhất nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng hiện tại và lâu dài. Trên thực địa, có thể nhận thấy, trong số 197 đình, 20 đền (trong đó có 43

đình, 8 đèn gắn với tự danh thờ các vua Hùng), cách bài trí điện/ban thờ các vua Hùng, cùng những nhân vật được phối thờ, chủ yếu tập trung vào các ngài, bài vị chủ điện thờ kèm bát nhang. Một số điện thờ có thêm ban thờ Công đồng. Nhìn chung, dáng dấp các điện/ban thờ các vua Hùng đều được tạo lập giản dị theo khuôn mẫu của ban thờ tổ tiên tại hầu khắp các gia đình trong cộng đồng người Việt. Nếu lấy vị trí Nghĩa Lĩnh làm trung tâm sinh tự tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, thì các di tích thờ tự càng giãn cách về không gian, càng thể hiện sự bài trí điện/ban thờ một cách giản đơn, không cầu kỳ như các lớp lang thờ tự trong các điện thờ tuân thủ theo thiết chế tâm linh do chính quyền phong kiến xác lập từ cuối đời Hậu Lê đến các triều vua nhà Nguyễn sau này.

Lễ vật chuẩn bị cho các buổi lễ lạt (từ lễ mở cửa đình/đền đến lễ rước, lễ đóng cửa đình/đền ở hầu khắp các địa phương gần như giống nhau: Bao gồm xôi/oản, hoa quả, rượu, vàng hương, gạo, muối, gà luộc (bắt buộc phải là gà trống thiếu, to, đẹp mã), thịt lợn sống (bắt buộc phải là lợn đen), bánh chưng và bánh dày (hai loại bánh này chủ yếu được người dân các làng thuộc Lâm Thao và thành phố Việt Trì dâng cúng). Ngoài ra, một số làng còn cúng cá chép (làng Đào Xá, thuộc Thanh Thủy, làng Bến Đá, thuộc Cẩm Khê). Riêng các làng Trẹo, Vi (Lâm Thao), Hùng Lô (Việt Trì), khi cúng lợn, thường đặt cả con đã mổ sạch, kèm theo một nhúm lông cạo từ gáy lợn và một bát/hoặc tất cả số tiết lợn chộc được. Một số làng/thôn của các huyện Hạ Hòa, Đoan Hùng, Yên Lập lại quy định đồ dâng lễ phải có thịt trâu đen. Điều đặc biệt dễ nhận thấy trong quy định bắt thành văn của các làng/thôn khi chuẩn bị lễ vật là, tất cả những người được phân công chuẩn bị lễ vật, đều phải lựa chọn cẩn trọng, từ việc lựa chọn người/gia đình được nuôi gà - lợn, chọn gà, chọn lợn, chọn gạo, chọn lá gói bánh,... cho đến việc cẩn trọng ngay cả từ lúc gói bánh, mổ gà, chộc tiết lợn.

Bên cạnh những lễ vật phục vụ việc thờ cúng mang tính phổ biến trong cộng đồng các làng/thôn có sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng, hiện còn có thể nhận thấy những nét đặc trưng riêng biệt mang tính biểu tượng trong đồ cúng tế của một số làng/thôn. Đó là lễ vật cúng tế của thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, trong đó còn xuất hiện 3 đơn mạ nhỏ, xanh tốt, được bày trên mâm, bên cạnh những mâm xôi,

mâm gà, mâm gạo,... Trong lễ tế của các thôn Vi, Trẹo thuộc thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, hiện nay đồ tế lễ ngoài những thứ quen thuộc, còn phải dâng lễ một "ông" voi màu đen có đủ bành, yên cương, 2 "ông" ngựa (một "ông" màu hồng, một "ông" màu trắng) đều được làm bằng nửa đan, phết giấy, to như thật. Bên sườn "ông" voi và 2 "ông" ngựa phải làm kèm một ống nửa để thả hương cho đến khi hóa ngày cuối hội.

Xưa kia, bên cạnh việc chọn lựa thủ nhang cho nơi thờ tự thường xuyên trong năm, việc lựa chọn chủ tế luôn được các làng/thôn tuân thủ một cách khắt khe, cẩn trọng. Hiện nay, đối với việc lập đội tế, mọi tiêu chí giản lược hơn, chủ yếu là các bậc trung niên trở lên, có đạo đức, hiền lành, đoàn kết với làng xóm và không có tang. Hoạt động của đội tế đã có chủ tế đứng ra điều hành và những người am hiểu cách thức tế cúng truyền dạy, huấn luyện trong khoảng thời gian nhất định.

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến những thập niên cuối thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân và hoàn cảnh lịch sử khác nhau, hầu hết các di tích phục vụ cho sinh hoạt tín ngưỡng bị hủy hoại, hàng loạt lễ hội dân gian ở các làng quê bị cấm đoán. Thực trạng lịch sử đó qua gần nửa thế kỷ đã gây ra những tổn thất về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể sâu nặng cho cộng đồng. Hàng loạt di sản văn hóa quý báu của ông cha bị mất mát, tàn phá, lãng quên. Chính vì vậy, sự trao truyền văn hóa truyền thống giữa thế hệ trước với thế hệ sau bị đứt quãng, có tác động về nhiều mặt đối với đời sống văn hóa xã hội. Sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa phụng thờ Hùng Vương ở Phú Thọ nằm trong thực trạng xã hội điển hình đó.

Từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, đặc biệt là từ 1995 trở đi, cùng với những bước đổi mới về kinh tế, đời sống văn hóa xã hội cũng bước sang thời kỳ phục hưng mạnh mẽ nhờ những chuyển biến về đường lối, quan điểm chỉ đạo và các thiết chế văn hóa xã hội. Bên cạnh việc phục dựng các di tích văn hóa truyền thống theo cơ chế xã hội hóa, hàng loạt làng quê sôi nổi phục dựng lễ hội, tạo ra môi trường sinh hoạt văn hóa sôi động, khởi sắc. Tại 12 huyện, thị có các làng quê sinh hoạt tín ngưỡng gắn với việc thờ phụng Hùng Vương ở Phú Thọ, có khoảng 50% số di tích được phục dựng, 10% di tích được tu bổ, 20% di tích đã xuống cấp, có nguy cơ trở thành phế tích và 20% di tích đã hoàn toàn trở thành phế tích hoặc biến dạng.

Về sinh hoạt lễ hội: Từ 1945 trở về trước, hầu khắp các làng có sinh hoạt tín ngưỡng thờ Hùng Vương đều tiến hành tổ chức lễ hội truyền thống ở các cấp độ và mức độ khác nhau. Sau gần nửa thế kỷ bị cấm và đứt quãng, từ cuối những năm 1980 trở đi, Nhà nước mới chủ trương cho phép nghiên cứu phục hồi lễ hội truyền thống và các di tích văn hóa tín ngưỡng được phép hoạt động trở lại. Do nhiều nguyên nhân và hoàn cảnh khác nhau, số lượng các lễ hội được phục dựng tại các thôn làng bị hạn chế. Diễn trình thực hành lễ hội bị giới hạn nhiều mặt, cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện. Chẳng hạn, thời gian hành hội hiện nay ngắn hơn nhiều so với lễ hội truyền thống (chủ yếu diễn ra từ 1 đến 2 ngày). Quá trình thảo luận, phân công nhiệm vụ, thu chi kinh phí và tổ chức thực hành lễ hội được trao đổi một cách bình đẳng, dân chủ, công khai. Người dân của các làng/thôn có lễ hội đều được tham gia lễ hội hàng năm hoặc các dịp hội chính (theo quy định của Ban Tổ chức lễ hội hoặc chính quyền sở tại) một cách bình đẳng, từ đóng góp nhân sự đến hưởng các quyền lợi vật chất và tinh thần thu nhận từ lễ hội. Thành phần đứng ra tổ chức điều hành và quản lý do Ban Quản lý di tích các đình, đền, chùa đảm nhiệm, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền các cấp xã, huyện. Kinh phí phục vụ lễ hội chủ yếu do công đức của toàn dân, vì không còn công thổ, hoa lợi chung như xã hội phong kiến đặt ra trước đây.

Tuy nhiên, do đề cao vấn đề trật tự an ninh và nếp sinh hoạt văn hóa văn minh, nên lễ hội hiện nay bị giảm về mức độ náo nhiệt, hình thức tế lễ đơn giản, các loại vật phẩm dâng lễ không đa dạng và ý nghĩa của những vật thiêng cũng suy giảm theo. Việc chuẩn bị các đồ tế lễ được giản tiện nhiều, không phức tạp trong lựa chọn, sắp đặt như xưa. Một số hình thức tế lễ rườm rà được tước bỏ. Khá nhiều nét sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh mang ý nghĩa thần bí, bùa chú được loại bỏ. Một số hình thức sinh hoạt văn hóa mang ý nghĩa phồn thực không còn được phục dựng. Nhìn chung, trong quá trình chuẩn bị và tổ chức thực hành lễ hội, có sự kết hợp chặt chẽ giữa cộng đồng với chính quyền sở tại, được chính quyền hậu thuẫn tích cực về mặt an ninh, pháp lý và tham gia chỉ đạo tổ chức.

Cho đến nay, phần lớn các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng gắn với việc thờ phụng các vua Hùng (dưới nhiều tên gọi khác nhau) trong phạm vi không gian văn hóa được nhận diện tại 12 huyện/thị/thành

phố ở Phú Thọ đã được cộng đồng dân chúng sở tại quan tâm, khôi phục, cả về vật chất (cơ sở thờ tự) lẫn tinh thần. Do điều kiện kinh tế eo hẹp và những hoàn cảnh chủ quan, khách quan khác nhau, số lượng công trình được khôi phục, tôn tạo, tu bổ hoặc phục dựng từ đầu, trên nền đất cũ, ở nhiều huyện vẫn còn khiêm tốn. Thể hiện rõ nhất ở các huyện có đời sống kinh tế vật chất khó khăn, như Hạ Hòa, Thanh Ba, Yên Lập, Thanh Sơn. Cạnh đó, cũng do trên dưới gần nửa thế kỷ bị cấm đoán, đứt quãng, thiếu sự quan tâm quản lý của chính quyền cơ sở và người dân địa phương, nhiều di tích đã bị chiếm dụng ở những mức độ khác nhau. Nhiều đồ vật dụng phục vụ cho quá trình hành lễ, bài trí nội thất thờ tự cổ xưa bị huỷ hoại hoặc cũ nát. Trong khi đó, hiện nay nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng - tâm linh của cộng đồng vẫn rất cao. Ở đa số địa phương, việc phục dựng cơ sở tín ngưỡng đều do cộng đồng dân chúng đóng góp và hợp sức xây dựng, thể hiện rõ nhất ở các làng/xã thuộc các huyện Cẩm Khê, Phù Ninh và thành phố Việt Trì. Ý thức bảo tồn và duy trì tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương tại các làng/thôn/khu dân cư ngày một tự giác, không chỉ ăn sâu vào tâm thức người dân, mà còn thể hiện qua hành động đóng góp công sức, vật lực cụ thể. Nếu như trong nửa cuối của thế kỷ XX, thành phần tham gia sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thờ Hùng Vương chủ yếu là lứa tuổi cao niên hoặc chỉ thuần trai đinh, thì từ cuối thế kỷ XX (những năm 90) đến nay, thành phần tham gia thực hành tín ngưỡng đã được mở rộng ra nhiều lứa tuổi, cả nam lẫn nữ. Đặc biệt, tại các địa phương có lễ hội truyền thống được dân chúng quanh vùng biết đến (Cẩm Khê, Lâm Thao, Việt Trì, Thanh Thủy), thành phần tham gia đã mang tính cộng đồng sâu rộng, được sự hưởng ứng của mọi lứa tuổi, nghề nghiệp và vị trí công tác khác nhau.

Trong khoảng trên dưới chục năm trở lại đây, một số địa phương đã tổ chức phục dựng sinh hoạt lễ hội trong các kỳ sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thờ Hùng Vương (Đào Xá của Thanh Thủy, Hùng Lô của thành phố Việt Trì, Khổng Tước của Cẩm Khê, thị trấn Hùng Sơn và xã Tiên Kiên của huyện Lâm Thao). Qua đó giúp cho các thế hệ nhận thức sâu sắc thêm các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc buổi đầu dựng nước, đặc biệt là thế hệ trẻ. Điều này có tác động tích cực cho mối quan hệ giáo dục giữa nhà trường và xã hội trong hoàn cảnh đương đại và nâng cao ý thức bảo tồn và khai thác giá trị

văn hóa các di tích lịch sử - văn hóa truyền thống ở từng địa phương.

Bước vào năm 2010, sau khi Thủ tướng Chính phủ ra văn bản đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai xây dựng Hồ sơ "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ", trình UNESCO xét duyệt vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, ý thức về di sản của cộng đồng người dân Phú Thọ đã nâng cao rõ rệt. Hầu khắp các làng quê có di tích gắn với tín ngưỡng thờ phụng các nhân vật thuộc thời đại Hùng Vương đã thực sự quan tâm đến việc thực hành di sản tại địa phương mình. Nhiều bậc cao niên đã đi sâu tìm hiểu, ghi chép về thần tích, truyền thuyết và các cách thức thực hành nghi lễ của cha ông xưa kia. Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy một điều là, việc thờ phụng các nhân vật gắn với thời đại Hùng Vương đã xuất hiện không ít tình trạng pha tạp. Đó là sự tùy hứng ở việc bài trí ban thờ. Nhiều ngôi chùa vốn qua hàng trăm năm chỉ thờ Phật, nay được ghép thêm các ban thờ vua Hùng. Một số lễ hội được phục dựng theo chỉ đạo của chính quyền và các nhà quản lý văn hóa cấp xã, cấp huyện đã ép buộc cộng đồng chen quốc kỳ bên cờ hội, chen kiệu rước ảnh Bác bên các kiệu rước lô nhang và rước ngai chủ điện thờ. Nhiều hình thức thực hành nghi lễ của cộng đồng bị liệt vào nguy cơ "mê tín dị đoan" nên bị cắt xén hoặc cấm đoán. Một số nơi, chính quyền lấy đất vốn là nơi tọa lạc di sản để bán hoặc xây dựng cơ sở hành chính công (Hạ Hòa). Có nơi, người dân thiết tha được chính quyền xã ủng hộ nhu cầu phục dựng di tích trên nền đất cũ để thực hành tín ngưỡng tâm linh, nhưng không được giải quyết với lý do thờ cúng là mê tín, cần dẹp bỏ (Yên Lập).

Cũng từ 2010 trở lại đây, được sự hỗ trợ của Nhà nước, lãnh đạo các cấp, tỉnh Phú Thọ đã tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng khu di tích lịch sử đền Hùng để xứng tầm với di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia cấp đặc biệt. Cũng vì thế, hàng năm, mọi chuẩn bị cho lễ hội, các hình thức thực hành tín ngưỡng tâm linh đều tập trung về không gian thiêng Nghĩa Lĩnh. Nhiều địa phương thuộc các huyện Lâm Thao, Cẩm Khê, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Phú Ninh và thành phố Việt Trì trước ngày giỗ Tổ hàng tháng, phải chuẩn bị nhân lực (đội tế lễ, đội diễn xướng, đội tham gia hội chợ,...), vật lực (kiệu, đồ tế lễ, bánh trái,...) để tập kết về khu vực

đền Hùng, phục vụ nghi lễ trọng đại cấp quốc gia. Từ cung cách vận hành đó, tất dẫn đến thực trạng: người dân đành giã tiễn mọi lễ lạt, nghi thức thờ phụng tại di tích làng quê mình để dồn nhân lực, dồn kinh phí phục vụ cho chuyến hành hương về Nghĩa Lĩnh - đền Hùng, cùng dân làng các vùng quê khác thực hành dâng lễ, tham gia hội chợ hoặc "biểu diễn" một vài tích trò được cấp trên phân công dịp "Quốc Giỗ" hàng năm. Do vậy, thực tế những năm gần đây cho thấy, chính quyền các cấp quá chú trọng vào việc tổ chức hội lễ tại khu vực đền Hùng (Nghĩa Lĩnh), mà thiếu đi sự quan tâm đến sinh hoạt lễ hội và thực hành tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng tại hàng trăm làng quê khác. Cũng vì thế, người dân Phú Thọ, từ vị thế là chủ nhân của sinh hoạt thực hành tín ngưỡng độc đáo mang nhiều giá trị văn hóa - tâm linh này, lại vô hình chung trở thành những "diễn viên" phục vụ cho một không gian văn hóa đương đại, do chính quyền đầu tư, tổ chức. Những trò diễn vốn gắn liền với từng không gian tín ngưỡng nhất định, như bách nghệ khôi hài, tưng rí, đánh phết, nấu cơm thi,... theo điều động của các nhà tổ chức và quản lý văn hóa, được "dinh tề" đến chân núi Nghĩa Lĩnh, trình diễn (thuần túy mang tính hội hè) phục vụ du khách bốn phương! Đây là chưa kể, với sự tham dự và đầu tư của các tập đoàn doanh nghiệp, của các doanh nhân từ khắp các vùng, miền hội tụ, các hình thức sinh hoạt văn hóa, các lễ phẩm "khổng lồ" thiếu tính trung thực (bánh chưng to nhất, bánh dầy to nhất, chai rượu lớn nhất,...) vô tình góp phần tạo ra sự "giải thiêng", sự phản cảm rất đáng lo ngại.

Trong khi tại không gian thiêng Nghĩa Lĩnh vào dịp giỗ Tổ, Nhà nước và chính quyền địa phương tập trung những nguồn kinh phí và nhân lực cực lớn để phục vụ cho "Quốc Giỗ" hàng năm, thì tại hàng trăm nơi thờ tự Hùng Vương và các nhân vật liên quan đến thời đại các vua Hùng cùng hàng loạt hệ thống thờ tự mang giá trị văn hóa - tâm linh khác tại Phú Thọ lại lâm vào thế "tự phát", "ăn đong", nhiều khi không đủ nguồn kinh phí tổ chức hội làng truyền thống theo nhu cầu khao khát của cộng đồng.

Từ thực trạng thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở phạm vi Phú Thọ hôm nay, có thể đặt ra đôi điều gợi nghĩ.

Trước hết, có thể thấy rằng, việc Nhà nước và chính quyền các cấp tập trung đầu tư cơ sở vật

chất, tổ chức lễ hội đền Hùng vào dịp giỗ Tổ hàng năm tại không gian Nghĩa Lĩnh là hoàn toàn đúng, nhưng chưa đủ. Lễ hội và sinh hoạt thực hành tín ngưỡng dân gian trước hết phải phục vụ cộng đồng, do cộng đồng làm chủ và hưởng thụ. Trải nhiều trăm năm, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương tại hàng trăm di tích ở các thôn quê đã góp phần tôn tạo, gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương, nuôi sống môi trường nhân văn làng bản, tạo sức trường tồn cho sức sống văn hóa bản địa. Không có lý gì, khi trong không gian Nghĩa Lĩnh nghi ngút khói nhang, nườm nượp quan khách bốn phương, các hòm "công đức" ắp đầy, thì tại hàng trăm di tích thờ phụng các tiền nhân thời đại Hùng Vương của cộng đồng thôn quê, các không gian thiêng lại nguội lạnh, hiu quạnh hoặc ẩm thấp vì mưa gió đột nát!

Mọi hình thức thực hành nghi lễ và diễn xướng, tục hèm dân gian bao giờ cũng gắn với một không gian văn hóa nhất định. Sức hút của các giá trị văn hóa ẩn chứa trong đó luôn gắn chặt chẽ và vô hình với tính thiêng (trong khối tổng thể thống nhất của hành động thiêng, lời nói thiêng, vật thờ thiêng vào thời gian thiêng giữa không gian thiêng), nhờ đó mà tạo nên sức sống cho di sản. Nếu hàng năm, các nhà tổ chức, quản lý văn hóa chỉ quan tâm đến trung tâm Nghĩa Lĩnh, xao nhãng với thực trạng hiện tồn tại cộng đồng là vô tình dẫn đến triệt tiêu nhận thức về sự lan tỏa của giá trị di sản, sức sống di sản văn hóa thờ phụng Hùng Vương trên tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Tham dự vào diễn trình thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương tại cộng đồng, các vật thờ bao giờ cũng chiếm vị thế nhất định, thậm chí là tiên quyết, theo luật bất thành văn của cộng đồng, nhờ đó, góp phần bảo tồn tính thiêng của thời điểm thiêng thực hành nghi lễ. Chính vì thế, mọi sự chuẩn bị đồ vật cho thờ cúng chủ điện thờ bao giờ cũng được xem xét rất cẩn trọng, trung thực/thành tâm, từ khâu lựa chọn người chăn nuôi, vật nuôi, thức ăn cho vật nuôi đến nghi thức chế biến, sắp đặt mâm lễ, cách thức dâng lễ,...

Dường như, tất cả mọi hành vi cụ thể xung quanh việc chuẩn bị vật thờ luôn hướng đến những biểu tượng vô hình, được cộng đồng lựa chọn và đồng thuận tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Nhìn vào thực trạng chuẩn bị các loại đồ vật thờ cúng Hùng Vương hôm nay, không khó để nhận ra sự ngộ nhận, cầu thả và sự khoa trương một cách vô duyên, thậm chí phản văn hóa!

Nhìn theo tiến trình lịch sử, có thể thấy rằng, các triều đại phong kiến nhiều thế kỷ qua đã có công chăm lo, bảo tồn và nâng cấp các giá trị văn hóa truyền thống, thông qua các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng - tâm linh của cộng đồng, bằng những thiết chế văn hóa vừa thiết thực, cụ thể vừa bền vững. Tuy vậy, trải nhiều trăm năm, các bộ máy thống trị nhà nước lại không đi sâu can thiệp vào cung cách thực hành, lấn át vai trò chủ nhân di sản của cộng đồng. Mọi cuộc sinh hoạt lễ hội, tín ngưỡng, vì thế, luôn bảo toàn được tính dân gian thuần túy, duy tồn sức sống hỗn nhiên, bền chặt của di sản văn hóa do cộng đồng sáng tạo, nuôi dưỡng và bảo tồn bền vững trong lịch sử. Từ thực trạng thờ cúng Hùng Vương hôm nay, cần đặt ra câu hỏi: Chủ nhân đích thực của sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là ai? Trong không gian văn hóa tín ngưỡng linh thiêng đó, quan khách đến tham dự sinh hoạt văn hóa với người dân hay người dân tập trung nhân lực, tài lực, vật lực để mang di sản văn hóa từ làng quê mình đến biểu diễn/trình diễn, phục vụ các quan chức?!

Đôi điều gợi nghĩ trên đây có thể sẽ được giải tỏa khi Chương trình hành động quốc gia nhằm bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được vận hành trong thực tiễn một cách hiệu quả. Nhưng, từ cam kết quyết liệt, sâu sắc được UNESCO đồng thuận, đề cao đến thực tiễn, như một quy luật thường thấy, bao giờ cũng tồn tại những khoảng cách cần san lấp./.

B.Q.T

(Ngày nhận bài: 5/5/2013; Ngày phân biện đánh giá: 28/6/2013, Ngày duyệt đăng bài: 1/8/2013).

Bùi Quang Thanh: The Worship of Hung King Today - Some Thoughts

The temple complex of Hung King worship in Nghĩa Lĩnh Mountain had and has been considered as a center, supported by the State and all administration levels in the restoration and organization of different cultural activities. The paper presents the current situation of the worship of Hung king, and raise some issues needed to pay attention, do research, to meet the cultural demand of local communities; contribute to the work of safeguarding and exploiting the heritage values of the worship of Hung king as the representative of intangible heritage endorsed by UNESCO.